

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác năm 2022 xã Ký Phú.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KÝ PHÚ

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 43/NQ-HĐND ngày 20 tháng 07 năm 2023 của HĐND xã Ký Phú tại kỳ họp thứ 6 khoá XX nhiệm kỳ 2022-2026 về việc Phê chuẩn quyết toán ngân sách xã Ký Phú năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác năm 2022 xã Ký Phú (Theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND, ban Tài chính xã và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường xóm trong xã;
- Lưu: Văn phòng UBND.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lỗ Thanh Hiệp

Ký Phú, ngày 25 tháng 08 năm 2023

CÔNG KHAI

Thuyết minh tình hình thực hiện quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác năm 2022

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 43/NQ-HĐND ngày 20 tháng 07 năm 2023 của HĐND xã Ký Phú tại kỳ họp thứ 6 khoá XX nhiệm kỳ 2022-2026 về việc Phê chuẩn quyết toán ngân sách xã Ký Phú năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 156 /QĐ-UBND ngày 25/08/2023 của UBND xã Ký Phú về việc công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác năm 2022 xã Ký Phú;

UBND xã Ký Phú thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác năm 2022 theo các nội dung sau:

1. Cân đối ngân sách xã năm 2022 (đính kèm biểu số 116/CK TC-NSNN)

- Tổng số thu: 11.613.051.159 đồng.

Trong đó: + Các khoản thu xã hưởng 100%: 315.213.050 đồng.

+ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 402.418.498 đồng.

+ Thu bổ sung: 10.267.437.350 đồng.

+ Thu chuyển nguồn: 436.181.112 đồng.

+ Thu kết dư ngân sách năm trước: 191.801.149 đồng.

- Tổng số chi: 11.309.292.717 đồng.

Trong đó: + Chi đầu tư phát triển: 4.602.556.000 đồng.

+ Chi thường xuyên: 5.962.045.101 đồng.

+ Chi chuyển nguồn: 744.691.616 đồng.

- Kết dư ngân sách: 303.758.442 đồng

2. Quyết toán thu ngân sách xã năm 2022 (đính kèm biểu số 117/CKTC-NSNN)

Tổng thu NSNN trên địa bàn xã năm 2022: 11.613.051.159 đồng đạt 194,21% dự toán giao. Thu cân đối trên địa bàn xã năm 2022 thực hiện là: 717.631.548 đồng đạt 140,7% so với dự toán HĐND xã giao. Thu cân đối ngân sách năm 2022 vượt kế hoạch so với dự toán đầu năm. Thu chuyên nguồn: 436.181.112 đồng, thu kết dư ngân sách năm trước: 191.801.149 đồng, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 10.267.437.350 đồng.

3. Quyết toán chi ngân sách xã năm 2022 (đính kèm biểu số 118/CKTC-NSNN)

Tổng chi ngân sách nhà nước xã năm 2022 là: 11.309.292.717 đồng, đạt 199% kế hoạch.

4. Quyết toán chi đầu tư phát triển năm 2022 (đính kèm biểu số 119/CKTC-NSNN)

Tổng chi đầu tư XDCB năm 2022: 4.602.556.000 đồng.

5. Thực hiện thu, chi các hoạt động tài chính khác năm 2022 (đính kèm biểu số 120/CKTC-NSNN)

- Tổng thu trong năm 2022: 109.931.353 đồng
- Tổng chi trong năm 2022: 309.478.542 đồng
- Chênh lệch: -199.547.189 đồng.

6. Đánh giá về tình hình thực hiện quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022

Nhìn chung thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã năm 2022 đảm bảo tiến độ so với dự toán, theo đó đã đảm bảo nguồn để cân đối nhiệm vụ chi theo dự toán, đặc biệt là chi các nhiệm vụ an sinh xã hội, chính sách cho con người và các nhiệm vụ phát sinh khác.

Công tác chi ngân sách năm 2022 đã thực hiện theo đúng Luật ngân sách và dự toán giao đầu năm, các ban ngành đã chủ động xây dựng kế hoạch trên tinh thần tiết kiệm chi. Đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên cũng như đột xuất của bộ máy nhà nước, phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đảm bảo chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, kịp thời thanh toán khối lượng tạm ứng và công tác quyết toán các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Trên đây là thuyết minh quyết toán ngân sách xã năm 2022 của UBND xã Ký Phú.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các xóm;
- Lưu: VP,KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lỗ Thanh Hiệp

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**Đơn vị: đồng*

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	11.613.051.159	Tổng số chi	11.309.292.717
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	315.213.050	I. Chi đầu tư phát triển	4.602.556.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	402.418.498	II. Chi thường xuyên	5.962.045.101
III. Thu bổ sung	10.267.437.350	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	744.691.616
- Bổ sung cân đối	5.084.541.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	5.182.896.350		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	191.801.149		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	436.181.112		
Kết dư ngân sách	303.758.442		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC

Năm 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ				109.931.353	309.478.542	-199.547.189
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng				89.881.000	122.042.187	-32.161.187
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa				15.990.000	22.941.187	-6.951.187
- Quỹ bảo trợ trẻ em				16.574.000	14.500.000	2.074.000
- Quỹ vì người nghèo				15.516.000	35.000.000	-19.484.000
- Quỹ Nhân đạo				2.000.000	9.800.000	-7.800.000
- Quỹ phòng chống thiên tai				39.801.000	39.801.000	
2. Chi hộ				20.050.353	187.436.355	-167.386.002
- Chi di chuyển mộ, đền bù tài sản công					37.799.100	-37.799.100
- Chi hỗ trợ lập DS tăng giảm BHYT				20.050.353	28.151.195	-8.100.842
- Xây dựng nhà văn hoá xóm Gió xã Ký Phú					121.486.060	-121.486.060

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	5.979.523.261	5.979.523.261	12.160.074.558	11.613.051.159	203,36	194,21
I	Các khoản thu 100%	147.000.000	147.000.000	340.578.509	315.213.050	231,69	214,43
1	Phí, lệ phí	67.000.000	67.000.000	93.237.250	93.237.250	139,16	139,16
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			181.100.800	181.100.800		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			47.240.459	21.875.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	80.000.000	80.000.000	19.000.000	19.000.000	23,75	23,75
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	363.000.000	363.000.000	939.931.082	402.418.498	258,93	110,86
1	Các khoản thu phân chia	52.000.000	52.000.000	206.814.165	206.814.165	397,72	397,72
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			13.124.022	13.124.022		
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			16.176.990	16.176.990		
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	52.000.000	52.000.000	177.513.153	177.513.153	341,37	341,37
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	311.000.000	311.000.000	733.116.917	195.604.333	235,73	62,9
21	Thu tiền sử dụng đất						

22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng	68.000.000	68.000.000	195.604.333	195.604.333	287,65	287,65
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	243.000.000	243.000.000	537.512.584		221,2	
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	436.181.112	436.181.112	436.181.112	436.181.112	100	100
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	191.801.149	191.801.149	191.801.149	191.801.149	100	100
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.841.541.000	4.841.541.000	10.251.582.706	10.267.437.350	211,74	212,07
1	Thu bổ sung cân đối	4.841.541.000	4.841.541.000	5.084.541.000	5.084.541.000	105,02	105,02
2	Thu bổ sung có mục tiêu			5.167.041.706	5.182.896.350		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5.683.122.000		5.683.122.000	11.309.292.717	4.602.556.000	6.706.736.717	199		118,01
	Trong đó:									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	694.000.000		694.000.000	735.812.896		735.812.896	106,02		106,02
	Chi dân quân tự vệ	417.000.000		417.000.000	416.822.279		416.822.279	99,96		99,96
	Chi trật tự an toàn xã hội	277.000.000		277.000.000	318.990.617		318.990.617	115,16		115,16
2	Chi giáo dục									
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4	Chi y tế	54.000.000		54.000.000	145.057.000		145.057.000	268,62		268,62
5	Chi văn hóa, thông tin	31.500.000		31.500.000	797.582.700	766.251.000	31.331.700	2532,01		99,47
6	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục, thể thao	22.500.000		22.500.000	27.818.740		27.818.740	123,64		123,64
8	Chi bảo vệ môi trường									
9	Chi các hoạt động kinh tế	31.500.000		31.500.000	3.537.088.000	3.505.588.000	31.500.000	11228,85		100
	Giao thông	31.500.000		31.500.000	3.537.088.000	3.505.588.000	31.500.000	11228,85		100
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
	Các hoạt động kinh tế khác									
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.009.216.000		4.009.216.000	5.017.049.765	330.717.000	4.686.332.765	125,14		116,89

	Trong đó: Quỹ lương			2.648.803.315		2.648.803.315		
	Quản lý Nhà nước	2.433.628.000	2.433.628.000	3.467.060.317	330.717.000	3.136.343.317	142,46	128,88
	Đảng Cộng sản Việt Nam	550.748.000	550.748.000	577.016.372		577.016.372	104,77	104,77
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	315.640.000	315.640.000	321.246.767		321.246.767	101,78	101,78
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	140.000.000	140.000.000	133.941.942		133.941.942	95,67	95,67
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	128.000.000	128.000.000	130.558.409		130.558.409	102	102
	Hội Cựu chiến binh	140.000.000	140.000.000	111.678.463		111.678.463	79,77	79,77
	Hội Nông dân	128.000.000	128.000.000	114.377.495		114.377.495	89,36	89,36
	Chi hỗ trợ khác (nếu có)	173.200.000	173.200.000	161.170.000		161.170.000	93,05	93,05
	Hội đông y	16.700.000	16.700.000	16.092.000		16.092.000	96,36	96,36
	Hội cựu thanh niên xung phong	17.700.000	17.700.000	17.092.000		17.092.000	96,56	96,56
	Hội Nạn nhân chất độc Da cam	17.700.000	17.700.000	17.092.000		17.092.000	96,56	96,56
	Hội người cao tuổi	77.400.000	77.400.000	71.346.000		71.346.000	92,18	92,18
	Hội khuyến học	17.700.000	17.700.000	17.092.000		17.092.000	96,56	96,56
	Hội Chữ thập đỏ	26.000.000	26.000.000	22.456.000		22.456.000	86,37	86,37
11	Chi cho công tác xã hội	328.000.000	328.000.000	304.192.000		304.192.000	92,74	92,74
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	318.000.000	318.000.000	304.192.000		304.192.000	95,66	95,66
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa							
	Trợ cấp xã hội							
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	10.000.000	10.000.000					
12	Chi khác							
	Chi khác							
	Chi khác							
13	Dự phòng	100.000.000	100.000.000					
14	Tiết kiệm chi 10%	80.825.000	80.825.000					
15	Chi chuyển nguồn sang ngân sách			744.691.616		744.691.616		
16	Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương	331.581.000	331.581.000					

Tỉnh Thái Nguyên
Huyện Đại Từ
Xã Ký Phú

Biểu số 119/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán đọc duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị thanh toán từ 01/1/2022 đến 31/01/2023			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
			Nguồn đóng góp của dân				Cản đối NS	Nguồn khác
Tổng số		15.983.967.378	1.739.141.000	13.691.155.336	4.602.556.000	4.017.594.400	-	-
1/Công trình chuyển tiếp		13.649.507.732	1.477.820.000	12.379.927.500	4.017.594.400	4.017.594.400	-	-
Trụ sở UBND xã Ký Phú, hạng mục: Nhà để xe	2019-2020	327.558.991		309.505.000	30.717.000	30.717.000		
Nhà văn hoá xóm Gió xã Ký Phú	2021-2022	1.845.270.900		1.686.874.900	675.000.000	675.000.000		
Trung tâm VH TT xã Ký Phú HM Cổng hàng rào, rãnh thoát nước, bục sân khấu	2019-2020	1.215.889.561		1.156.251.000	91.251.000	91.251.000		
Tuyến đường liên xã Ký Phú - Văn Yên, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp cứng hoá đường bê tông.	2020-2021	2.305.967.064		2.187.699.000	1.077.000.000	1.077.000.000		
Đường giao thông nông thôn vào khu sản xuất tập trung HTX dịch vụ xanh Ký Phú (đoạn từ Đòng Na xóm Đạn 1 đến Đòng Cháy xóm Cạn – xã Ký Phú)	2020-2021	6.994.254.753	1.374.000.000	6.880.136.000	2.008.000.000	2.008.000.000		

